TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HS-ST
Ngày 30-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Thân Văn Hàm .

C*ác Hội thẩm nhân dân:* Ông Khoàng Văn Hặc.

Ông Nguyễn Khắc Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thiều Tất Lơ - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2025/TLST-HS, ngày 04 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Khúc Văn V; Tên gọi khác: không có tên gọi khác, sinh ngày: 14/8/1993, tại tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nhân viên kế toán - Thủ kho Công ty TNHH Minh Tuệ tỉnh Đ; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Khúc Văn B - sinh năm 1966 và bà Cao Thị N - sinh năm 1972; Bị cáo có vợ là Khuất Thị Thu T - sinh năm: 1998; Bị cáo có 01 con sinh năm 2024; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị Toà án kết tội lần nào. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/10/2025 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn S; tên gọi khác: không có tên gọi khác, sinh ngày: 01/01/1964, tại tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: Bản H, xã N, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 06/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn V1 (đã chết) và bà Bùi Thị S1 - sinh năm 1935; Bị cáo có vợ là Trần Thị T1 - sinh năm: 1969; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2000; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo chưa bị xử lý vi phạm hành

chính, chưa bị Toà án kết tội lần nào. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/10/2025 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay.

***) Nguyên đơn dân sự:** Ban quản lý rừng phòng hộ rừng đặc dụng trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên; Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Xuân T2 - Chức vụ: Giám đốc; Đại diện theo uỷ quyền của ông Trần Xuân T2: Ông Nguyễn Việt C - Chức vụ: Phó Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên, địa chỉ: Bản C, xã M, tỉnh Điện Biên (Theo Quyết định uỷ quyền số: 90/QĐ-BQL, ngày 06/11/2025); có mặt tại phiên toà.

***) Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Họ và tên: Ông Bùi Đức G - Sinh năm: 1957; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường Đ, tỉnh Điện Biên (Giám đốc Công ty TNHH T6); vắng mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: Ông Bùi Anh T3 - Sinh năm: 1987; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường Đ, tỉnh Điện Biên (Phó Giám đốc Công ty TNHH T6); vắng mặt tại phiên toà.

3. Họ và tên: Ông Đường Vinh H - Sinh năm: 1957; địa chỉ: Số nhà G, tổ dân phố G, phường Đ, tỉnh Điện Biên (Giám đốc Công ty TNHH Minh Tuệ tỉnh Đ); vắng mặt tại phiên toà.

4. Họ và tên: Ông Đặng Văn T4 - Sinh năm: 1997; địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Điện Biên; vắng mặt tại phiên toà.

5. Họ và tên: Ông Mùa A D1 - Sinh năm: 1980; địa chỉ: Bản H, xã N, tỉnh Điện Biên; vắng mặt tại phiên toà.

6. Họ và tên: Bà Trần Thị T1 - Sinh năm: 1969; địa chỉ: Bản H, xã N, tỉnh Điện Biên; vắng mặt tại phiên toà.

7. Họ và tên: Ông Nguyễn Văn Đ - Sinh năm: 1998; địa chỉ: Bản H, xã N, tỉnh Điện Biên; vắng mặt tại phiên toà.

8. Họ và tên: Ông Sùng A M - Sinh năm: 1995; Nơi đăng ký thường trú: Bản C, xã M, tỉnh Điện Biên, nơi ở hiện tại: Bản N, xã S, tỉnh Điện Biên; vắng mặt tại phiên toà.

9. Họ và tên: Ông Lý Sái C1 - Sinh năm: 1975; Nơi đăng ký thường trú: Bản H, xã M, tỉnh Điện Biên, nơi ở hiện tại: Bản N, xã S, tỉnh Điện Biên; vắng mặt tại phiên toà.

10. Họ và tên: Ông Cháng A D2 - Sinh năm: 1999; Nơi đăng ký thường trú: Bản C, xã M, tỉnh Điện Biên, nơi ở hiện tại: Bản N, xã S, tỉnh Điện Biên; vắng mặt tại phiên toà.

11. Họ và tên: Ông Cháng A P - Sinh năm: 1994; địa chỉ: Bản C, xã M, tỉnh Điện Biên; vắng mặt tại phiên toà.

12. Họ và tên: Ông Sùng A S2 - Sinh năm: 1997; địa chỉ: Bản C, xã M, tỉnh Điện Biên; vắng mặt tại phiên toà.

13. Họ và tên: Ông Hồ A D3 - Sinh năm: 1996; địa chỉ: Bản C, xã M, tỉnh Điện Biên; vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015 gia đình bị cáo Nguyễn Văn S được Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất, giao rừng với tổng diện tích 22,36 ha rừng và đất rừng thuộc lô o, i, i1, khoảnh 3, tiểu khu F, bản H, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (Nay là bản H, xã N, tỉnh Điện Biên) để bảo vệ quản lý rừng. Hàng năm gia đình bị cáo được chi trả dịch vụ rừng theo quy định. Ngày 20/11/2023, dự án xây dựng đường dây 110kv từ nhà máy T7 đến trạm biến áp 110kv M để đấu nối lên lưới điện quốc gia do Công ty trách nhiệm hữu hạn T6 làm chủ đầu tư triển khai. Ngày 30/12/2023, Công ty trách nhiệm hữu hạn T6 ký hợp đồng thi công gói thầu xây lắp hạng mục đường dây điện 110kv có đi qua diện tích rừng do gia đình bị cáo Nguyễn Văn S quản lý. Công ty đã hỗ trợ gia đình bị cáo Nguyễn Văn S số tiền: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và bị cáo S đồng ý phối hợp để cho đường dây điện đi qua diện tích rừng do gia đình bị cáo S quản lý. Công ty trách nhiệm hữu hạn T6 có trách nhiệm làm các thủ tục chuyển mục đích rừng theo quy định. Khúc Văn V là nhân viên kế toán - Thủ kho Công ty trách nhiệm hữu hạn Minh Tuệ tỉnh Điện Biên được Công ty ủy quyền về việc thực hiện các thủ tục pháp lý để xin cấp có thẩm quyền cho phép cưa, chặt hạ cây rừng để phát tuyến hành lang đường điện 110kv. Tuy nhiên do muốn đẩy nhanh tiến độ thi công bị cáo V đã tự ý thỏa thuận cá nhân bị cáo Nguyễn Văn S và bị cáo S đã đồng ý để cưa, chặt cây rừng trên diện tích rừng của gia đình bị cáo S quản lý khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác hoặc được cấp phép khai thác lâm sản, tạm sử dụng rừng. Ngày 06/01/2025, bị cáo V đã tự ý giao cho nhóm công nhân làm thuê cho Công ty số 6 gồm Sùng A M, Hồ A D3, Cháng A, Cháng A, L Chứ, Sùng A S2 và một số người xin làm thuê theo ngày công chưa xác định được nhân thân, lai lịch đã sử dụng máy cưa để cưa và dao để chặt cây rừng, trước khi giao công nhân cưa và chặt cây rừng thì bị cáo V có thông báo cho bị cáo S biết và bị cáo S đã đồng ý để nhóm công nhân chặt, cưa cây rừng. Nhóm công nhân đã dùng 02 cưa và khoảng 5 đến 6 con dao để cưa và chặt cây rừng theo tuyến hành lang đường điện tại khoảnh 3, tiểu khu F - Bản đồ giao đất, giao rừng xã M (khoảnh 1, tiểu khu F- Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã M, huyện M) thuộc bản H, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên nay là bản H, xã N, tỉnh Điện Biên). Bị cáo V đã chỉ đạo nhóm công nhân cưa và chặt cây với khoảng cách hành lang rộng 8 m, bắt đầu chặt cây từ vị trí cột số 27 đến cột 30, tổng chiều dài khoảng hơn 500m, đi đến đâu thì cưa, chặt cây toàn bộ cây rừng đến đó. Khi các công nhân cưa, chặt cây rừng, bị cáo S đã trực tiếp đến để giám sát, không cho công nhân cưa, chặt cây ngoài phạm vi hành lang àn toàn điện và

tránh việc nhóm công nhân lấy gỗ, củi mang về. Bị cáo V chỉ đạo công nhân cưa, chặt cây đến ngày 08/01/2025 thì xong toàn bộ tuyến hành lang an toàn đường điện110kv P- M với tổng diện tích 8.170m^2 rừng sản xuất bị hủy hoại gây thiệt hại bằng tiền là 45.993.610 đồng (Bốn mươi lăm triệu chín trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm mười đồng). Toàn bộ số cây rừng bị cưa, chặt khi phát tuyến hành lang đường điện đều được để lại tại hiện trường. Ngày 09/01/2025 qua tuần tra kiểm soát Hạt kiểm lâm huyện M phát hiện diện tích rừng bị chặt phá.

Tại biên bản kiểm tra hiện trường ngày 09/01/2025 và ngày 12/01/2025 (có bản ảnh và thống kê kèm theo) đã xác định: Tổng diện tích rừng bị chặt phá là 8.170 m^2, mức độ thiệt hại 100%. Các cây gỗ bị chặt phá có đường kính, kích thước chiều dài khác nhau số cây bị chặt là 111 cây, khối lượng 22,387$m^{3,}$ trong đó 46 cây thông, khối lượng 13,556m^3; 65 cây tự nhiên gồm vối thuốc, lim xanh, thành ngạnh khối lượng 8,731m^3.

Tại Kết luận giám định số: 01/KL-GĐ, ngày 21/02/2025 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện Biên, đã xác định: diện tích rừng bị phá hoại là 8.170 m^2, thuộc lô o, n, i, khoảnh 3 tiểu khu F (theo bản đồ giao đất giao rừng). Thuộc lô 53, lô 60 và lô 61 khoảnh 1, tiểu khu F (theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng). Thuộc lô 13, lô A, khoảnh 3, tiểu khu F (theo bản đồ hiện trạng rừng năm 2024), bản H, xã M, huyện M tỉnh Điện Biên. Loại rừng: rừng sản xuất.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 1073/KL-HĐĐGTS, ngày 29/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên kết luận: Giá trị thiệt hại của diện tích rừng bị chặt phá là 8.170m^2, xác định tổng giá trị thiệt hại của diện tích rừng bị phá trái pháp luật của từng chủ rừng tại thời điểm tháng 01 năm 2025 là: 45.993.610 đồng (Bốn mươi lăm triệu chín trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm mười đồng). Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Điện Biên chưa có cơ sở và căn cứ để xác định giá trị thiệt hại về môi trường của diện tích rừng bị phá trái pháp luật và từ chối định giá do không đủ các điều kiện cần thiết để tiến hành định giá, các tài liệu cung cấp không đầy đủ hoặc không có giá trị để định giá.

Tại bản Cáo trạng số: 17/CT-VKSKV4, ngày 02/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo Khúc Văn V và Nguyễn Văn S về tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo.

Quá trình điều tra, các bị cáo Khúc Văn V và Nguyễn Văn S đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả.Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo uỷ quyền của đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự ông Nguyễn Việt C trình bày: Hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo là rõ ràng, gây thiệt hại cho Nhà nước nên yêu cầu các bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại

cho Nhà nước theo đúng quy định pháp luật; Về trách nhiệm hình sự: đề nghị Hội đồng xét xử xử lý các bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với hai bị cáo về tội Hủy hoại rừng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 17; khoản 1, 3 Điều 35, Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự: Tuyên bố các bị cáo Khúc Văn V, Nguyễn Văn S phạm tội "Huỷ hoại rừng"; Xử phạt bị cáo Khúc Văn V từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586 và 589 BLDS: Các bị cáo phải bồi thường cho Ban Q, rừng đặc dụng thuộc Sở NN và MT tỉnh Đ số tiền gây thiệt hại về huỷ hoại rừng là 45.993.610 đồng, các bị cáo đã bồi thường đủ số tiền trên, ban Q không có yêu cầu gì thêm. Số tiền trên các bị cáo nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Điện Biên gồm: Nguyễn Văn S nộp số tiền 20.000.000 đồng, Khúc Văn V nộp số tiền 25.993.610 đồng. Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 45.993.610 đồng.

Đối với số tiền 350.000.000 đồng ông Bùi Đức G không yêu cầu gia đình bị cáo S trả lại số tiền trên.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Khúc Văn V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn S.

Người có nghĩa vụ liên quan Bùi Đức G vắng mặt tại phiên toà; Lời khai trong hồ sơ thể hiện: Ông G (Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn T8) là Chủ đầu tư dự án Nhà máy T7, phần diện tích bị ảnh hưởng thuộc phạm vi hành lang bảo vệ, chỉ chiếm dụng tạm thời nên chủ đầu tư không phải thuê đất; ông G đã giao cho nhà thầu Minh T5 chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục pháp lý và chỉ được chặt hạ cây rừng khi có phép của cơ quan có thẩm quyền. Số tiền 350.000.000 đồng ông G đưa cho nhà thầu là tài sản cá nhân, dùng để hỗ trợ gia đình bị cáo S trong quản lý, bảo vệ, chăm sóc diện tích rừng bị ảnh hưởng và phối hợp hoàn thiện thủ tục pháp lý. Ông G không chỉ đạo, không biết việc bị cáo Khúc Văn V và bị cáo Nguyễn Văn S tự thỏa thuận với nhau chặt hạ rừng khi chưa làm các thủ tục theo quy định.

Người có nghĩa vụ liên quan Bùi Anh T3 vắng mặt tại phiên toà; Lời khai trong hồ sơ thể hiện: Ông T3 theo chỉ đạo của ông Bùi Đức G nhận số tiền 350.000.000 đồng chuyển cho ông T4 để cùng bị cáo Khúc Văn V mang đến hỗ

trợ gia đình bị cáo Nguyễn Văn S với mục đích phục vụ việc hoàn thiện thủ tục pháp lý liên quan đến chuyển mục đích sử dụng rừng và phục vụ thi công. Ông T3 không bàn bạc, thỏa thuận, chỉ đạo hay giao nhiệm vụ cho bị cáo Khúc Văn V hoặc ai khác thực hiện việc chặt phá rừng, phát tuyến khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép

Người có nghĩa vụ liên quan Đặng Văn T4 vắng mặt tại phiên toà; Lời khai trong hồ sơ thể hiện: Ông thường chỉ nhận số tiền 350.000.000 đồng từ ông Bùi Anh T3 để đưa cho bị cáo V đi động viên, hỗ trợ gia đình bị cáo Sáu tạo điều kiện hoàn tất thủ tục hồ sơ được cấp phép cho phát tuyến hành lang đường điện. Ông T4 không tham gia, không biết việc giữa bị cáo Khúc Văn V và bị cáo Nguyễn Văn S tự ý thoả thuận, thống nhất với nhau về cưa, chặt hạ cây rừng khi chưa có thủ tục pháp lý, chưa được cấp có thẩm quyền cho phép.

Người có nghĩa vụ liên quan Đường Vinh H vắng mặt tại phiên toà; Lời khai trong hồ sơ thể hiện: ông H đã ba lần đến gặp bị cáo S để lắng nghe nguyện vọng và vận động tạo điều kiện cho nhà thầu thi công. Sau đó bị cáo Khúc Văn V báo cáo ông H về việc bị cáo S yêu cầu hỗ trợ 350.000.000 đồng để đồng ý cho chủ đầu tư và nhà thầu thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng, nên ông H đã trao đổi với Giám đốc Công ty T6 và được thống nhất việc chi số tiền này. Ông H không biết việc bị cáo V tự ý chỉ đạo công nhân cưa, chặt hạ cây rừng khi chưa được cấp phép theo quy định.

Người có nghĩa vụ liên quan Mùa A D1 vắng mặt tại phiên toà; Lời khai trong hồ sơ thể hiện: Việc ông D1 ký xác nhận vào biên bản thỏa thuận, giấy nhận tiền và đơn tận thu ngày 03/01/2025 là theo nguyện vọng của bị cáo Nguyễn Văn S, mục đích ký xác nhận nhằm tạo điều kiện cho chủ rừng và đơn vị thi công sớm thỏa thuận thống nhất với nhau, hoàn thiện các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, trình cấp có thẩm quyền cho phép trước khi chặt hạ cây để phát tuyến hành lang đường điện, không phải là việc cấp phép, xác nhận cho phép chủ rừng và Công ty chặt hạ cây, phát tuyến hành lang đường dây điện.

Người có nghĩa vụ liên quan Trần Thị T1 vắng mặt tại phiên toà; Lời khai trong hồ sơ thể hiện: bà là người nhận số tiền 350.000.000 đồng với Công ty T6 để tạo điều kiện cho Công ty hoàn thiện thủ tục pháp lý liên quan, quá trình thi công đường dây 110kV M - Phi Lĩnh. Tuy nhiên do bà bị tai nạn nghiêm trọng (tổn hại 83% sức khỏe) phải điều trị dài ngày, nên toàn bộ việc trao đổi, thỏa thuận với phía thi công đều do chồng bà là bị cáo Nguyễn Văn S thực hiện, bà T1 không biết việc bị cáo S thỏa thuận cho cưa, chặt hạ cây rừng khi chưa làm các thủ tục cấp phép chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định.

Người có nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên toà; Lời khai trong hồ sơ thể hiện: anh Đ thỉnh thoảng có lên xem công nhân làm việc tại khu vực bị cáo V cho người cưa, chặt cây. Tuy nhiên, anh Đ không biết việc bị cáo S cùng với bị cáo V cho công nhân cưa, chặt hạ cây rừng để phát tuyến hành lang đường điện khi chưa được cấp phép.

Những người có nghĩa vụ liên quan Sùng A M, Cháng A, Cháng A, Sùng A S2, Hồ A D3, L Chứ vắng mặt tại phiên toà; Lời khai trong hồ sơ thể hiện: Sùng A M, Cháng A, Cháng A, Sùng A S2, Hồ A D3, L Chứ và những người đến xin làm thuê khác chưa xác định được thông tin nhân thân, lai lịch khác là người trực tiếp chặt, hạ cây rừng theo sự chỉ đạo, giao công việc của bị cáo Khúc Văn V. Trước khi giao việc chặt hạ cây, bị cáo Khúc Văn V cho biết đã thỏa thuận xong với bị cáo Nguyễn Văn S cho phép chặt hạ cây rừng trên hành lang an toàn lưới điện, tất cả đều không biết rõ về hồ sơ thủ tục giấy tờ pháp lý, chỉ thực hiện công việc theo yêu cầu của bị cáo Khúc Văn V.

Nguyên đơn dân sự nhất trí với bản luận tội, không có ý kiến gì tranh luận.

Các bị cáo nhất trí với bản luận tội, không tranh luận gì, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi vi phạm của các bị cáo như sau:

Từ ngày 06/01/2025 đến ngày 08/01/2025, bị cáo Khúc Văn V đã thỏa thuận với bị cáo Nguyễn Văn S tự ý cưa, chặt các loại cây, gỗ rừng với diện tích là 8.170m^2 rừng sản xuất tại khoảnh 3, tiểu khu F, xã M, huyện M nay là xã N, tỉnh Điện Biên. Mục đích các bị cáo chặt phá rừng là để thi công dự án Xây dựng đường dây 110 kv từ nhà máy T7 đến trạm biến áp 110kv M1 để đấu nối lên lưới điện quốc gia nên đã gây thiệt về lâm sản là gây thiệt hại với số tiền là 45.993.610 đồng (Bốn mươi lăm triệu chín trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm mười đồng). Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với Biên bản kiểm tra hiện trường, biên bản làm việc, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Khúc Văn V và Nguyễn Văn S phạm tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điên Biên đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

"1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m^2) đến dưới 10.000 mét vuông (m^2);"

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo làm ảnh hưởng đến môi trường rừng, là nguyên nhân dẫn đến thiên tai và biến đổi khí hậu, gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. Bản thân các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Do đó, cần phải áp dụng hình phù hợp đối với bị cáo để giữ vững kỷ cương của pháp luật và làm gương răn đe, giáo dục trong Nhân dân.

[3] Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Khúc Văn V là nhân viên kế toán - Thủ kho Công ty TNHH Minh Tuệ tỉnh Điện Biên được công ty uỷ quyền về thực hiện các thủ tục pháp lý để xin cấp có thẩm quyền cho phép cưa, chặt hạ cây rừng để phát tuyến hành lang đường điện 110Kv; Tuy nhiên, do nôn nóng muốn đẩy nhanh tiến độ thi công, bị cáo đã tự ý thoả thuận với bị cáo Nguyễn Văn S và tiến hành chỉ đạo nhóm công nhân làm thuê chặt phá rừng trên diện tích đất rừng mà gia đình bị cáo S đang quản lý khi chưa cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác hoặc được cấp phép khai thác lâm sản, tạm sử dụng rừng. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội là vì muốn đẩy nhanh tiến độ thi công đường điện nên đã vi phạm pháp luật; Tuy nhiên, ngoài lần phạm tội này bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả thiệt hại về rừng với số tiền là: 25.993.610 đồng (Hai mươi lăm triệu chín trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm mười đồng) cho Nhà nước. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn S là thành viên trong hộ gia đình bà Trần Thị T1 được giao đất, giao rừng theo Quyết định số: 245/QĐ-UBND, ngày 09/02/2015 của UBND huyện M, tỉnh Điện Biên, với tổng diện tích 22,36ha rừng và đất rừng thuộc lô o, i, i1, khoảnh 3, tiểu khu F, bản H, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (Nay là bản H, xã N, tỉnh Điện Biên). Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội là bị cáo Nguyễn Văn S đã đồng ý để bị cáo Khúc Văn V chỉ đạo công nhân chặt phá rừng trên diện tích mà gia đình bị cáo được giao quản lý khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác hoặc được cấp phép khai thác lâm sản, tạm sử dụng rừng và bị cáo là người trực tiếp đến giám sát nhóm công nhân cưa, chặt hạ cây nhằm mục đích không cho công nhân cưa, chặt hạ cây ngoài phạm vi hành lang an toàn điện và tránh việc công nhân lấy gỗ, củi mang về. Ngoài lần phạm tội này bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo

luôn thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả thiệt hại về rừng với số tiền là: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) cho Nhà nước. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.Xét thấy, theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong việc đề nghị áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án:

Các bị cáo mặc dù thống nhất cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự câu kết chặt chẽ nên đây chỉ là hình thức đồng phạm giản đơn, các bị cáo là người thực hành hành vi Huỷ hoại rừng. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ Điều 58 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm đối với các bị cáo.

[5]. Về hình phạt đối với các bị cáo:

Từ những phân tích về hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân, động cơ, mục đích của các bị cáo. Xét thấy, mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, có ý thức chấp hành pháp luật đủ sức răn đe đối với các bị cáo và người khác.

[6]. Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*", do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, điểm e khoản 2 Điều 32 Bộ luật hình sự quy định việc áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính, các bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về vật chứng của vụ án:

Đối với công cụ chặt phá rừng gồm: cưa máy, can đựng xăng và dao, Cơ quan cảnh sát điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Đối với các cây gỗ bị chặt phá, Hạt Kiểm lâm huyện M, tỉnh Điện Biên đã giao Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (nay là xã N, tỉnh Điện Biên) quản lý, bảo quản; do các cây gỗ và củi đã bị khô, ải, nứt và mục nát, không còn giá trị sử dụng, Viện kiểm sát không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo phải bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng thuộc Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh Điện Biên với số tiền gây thiệt hại về huỷ hoại rừng là: 45.993.610 đồng (Bốn mươi lăm triệu chín trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm mười đồng); Bị cáo Nguyễn Văn S đã nộp số tiền: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo biên lai thu tiền ký hiệu: BLTT/25E, số: 0000152, ngày 07/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên, bị cáo Khúc Văn V đã nộp số tiền: 25.993.610 đồng (Hai mươi lăm triệu chín trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm mười đồng) theo biên lai thu tiền ký hiệu: BLTT/25E, số: 0000151, ngày 07/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Xác nhận các bị cáo đã nộp đủ số tiền bồi thường thiệt hại: 45.993.610 đồng (Bốn mươi lăm triệu chín trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm mười đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên, tuy nhiên số tiền này cần phải tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước. Đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với thiệt hại về môi trường của diện tích rừng bị huỷ hoại không xác định được, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) ông Bùi Đức G không yêu cầu gia đình bị cáo Nguyễn Văn S trả lại số tiền trên, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9]. Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, tại giai đoạn điều tra đều đã có lời khai, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn dân sự tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10]. Về các vấn đề khác trong vụ án:

- Đối với ông Bùi Đức G (Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn T8) là Chủ đầu tư dự án Nhà máy T7, phần diện tích bị ảnh hưởng thuộc phạm vi hành lang bảo vệ, chỉ chiếm dụng tạm thời nên chủ đầu tư không phải thuê đất; ông G đã giao cho nhà thầu Minh T5 chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục pháp lý và chỉ được chặt hạ cây rừng khi có phép của cơ quan có thẩm quyền. Số tiền 350.000.000 đồng ông G đưa cho nhà thầu là tài sản cá nhân, dùng để hỗ trợ gia đình bị cáo S trong quản lý, bảo vệ, chăm sóc diện tích rừng bị ảnh hưởng và phối hợp hoàn thiện thủ tục pháp lý. Ông G không chỉ đạo, không biết việc bị cáo Khúc Văn V và bị cáo Nguyễn Văn S tự thỏa thuận với nhau chặt hạ rừng khi chưa làm các thủ tục theo quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý, giải quyết đối với Bùi Đức G.

- Đối với Bùi Anh T3 (Phó giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn T8): Ông T3 theo chỉ đạo của ông Bùi Đức G, ông T3 nhận số tiền 350.000.000 đồng chuyển cho ông T4 để cùng bị cáo Khúc Văn V mang đến hỗ trợ gia đình bị cáo Nguyễn Văn S với mục đích phục vụ việc hoàn thiện thủ tục pháp lý liên quan

đến chuyển mục đích sử dụng rừng và phục vụ thi công. Ông T3 không bàn bạc, thỏa thuận, chỉ đạo hay giao nhiệm vụ cho bị cáo Khúc Văn V hoặc ai khác thực hiện việc chặt phá rừng, phát tuyến khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý, giải quyết đối với Bùi Anh T3.

- Đối với ông Đường Vinh H (Giám đốc công ty TNHH Minh Tuệ tỉnh Đ): Trong quá trình giải quyết vướng mắc thi công hạng mục đường dây 110kV qua phần đất rừng của gia đình bị cáo Nguyễn Văn S, ông H đã ba lần đến gặp bị cáo S để lắng nghe nguyện vọng và vận động tạo điều kiện cho nhà thầu thi công. Sau đó bị cáo Khúc Văn V báo cáo ông H về việc bị cáo S yêu cầu hỗ trợ 350.000.000 đồng để đồng ý cho chủ đầu tư và nhà thầu thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng, nên ông H đã trao đổi với Giám đốc Công ty T6 và được thống nhất việc chi số tiền này. Ông H không biết việc bị cáo V tự ý chỉ đạo công nhân cưa, chặt hạ cây rừng khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng, khai thác lâm sản hoặc cho phép tạm sử dụng rừng trong hành lang tuyến điện. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý, giải quyết đối với Đường Vinh H.

- Đối với ông Đặng Văn T4: Ông thường chỉ nhận số tiền 350.000.000 đồng từ ông Bùi Anh T3 để đưa cho bị cáo V để động viên, hỗ trợ gia đình bị cáo Sáu tạo điều kiện hoàn tất thủ tục hồ sơ được cấp phép cho phát tuyến hành lang đường điện. Ông T4 không tham gia, không biết việc giữa bị cáo Khúc Văn V và bị cáo Nguyễn Văn S tự ý thoả thuận, thống nhất với nhau về cưa, chặt hạ cây rừng để phát tuyến hành lang Đường dây 110kV khi chưa có thủ tục pháp lý, chưa được cấp có thẩm quyền cho phép. Việc báo cáo giải quyết các vướng mắc liên quan mặt bằng của dự án do bị cáo V, ông H trao đổi với lãnh đạo Công ty T6, ông T4 không biết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý, giải quyết đối với Đặng Văn T4.

- Đối với Mùa A D1 (Nguyên chủ tịch UBND xã M): Việc ông D1 ký xác nhận vào biên bản thỏa thuận, giấy nhận tiền và đơn tận thu ngày 03/01/2025 là theo nguyện vọng của bị cáo Nguyễn Văn S, mục đích ký xác nhận nhằm tạo điều kiện cho chủ rừng và đơn vị thi công sớm thỏa thuận thống nhất với nhau, hoàn thiện các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, trình cấp có thẩm quyền cho phép trước khi chặt hạ cây để phát tuyến hành lang đường điện, không phải là việc cấp phép, xác nhận cho phép chủ rừng và Công ty chặt hạ cây, phát tuyến hành lang đường dây điện. Việc ông D1 ký xác nhận các giấy tờ mà không có sự hướng dẫn, giải thích rõ ràng về các thủ tục, trình tự theo quy định pháp luật trước khi chặt hạ cây rừng là còn thiếu sót. Tuy nhiên tổng giá trị thiệt hại của diện tích rừng bị hủy hoại là 45.993.610 đồng, với số tiền thiệt hại chưa đủ cấu thành tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định Bộ luật Hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã kiến nghị Ủy ban nhân dân xã M nơi Mùa A D1 đang làm việc có biện pháp xử lý theo quy định, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý trách nhiệm đối với ông Mùa A D1.- Đối với bà Trần Thị T1 là người ký nhận số tiền 350.000.000

đồng với Công ty T6 để tạo điều kiện cho Công ty hoàn thiện thủ tục pháp lý liên quan, quá trình thi công đường dây 110kV M - Phi Lĩnh. Tuy nhiên do bà T1 bị tai nạn nghiêm trọng (tổn hại 83% sức khỏe) phải điều trị dài ngày, nên toàn bộ việc trao đổi, thỏa thuận với phía thi công đều do bị cáo Nguyễn Văn S thực hiện, bà T1 không biết việc bị cáo S thỏa thuận cho cưa, chặt hạ cây rừng khi chưa làm các thủ tục cấp phép chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý, giải quyết đối với Trần Thị T1.- Đối với anh Nguyễn Văn Đ trong thời điểm bị cáo Khúc Văn V chỉ đạo công nhân cưa, chặt hạ cây rừng để phát tuyến hành lang đường điện, anh Đ thỉnh thoảng có lên xem công nhân làm việc. Tuy nhiên, anh Đ không phải là chủ rừng, không biết việc bị cáo Nguyễn Văn S cùng với bị cáo Khúc Văn V cho công nhân cưa, chặt hạ cây rừng để phát tuyến hành lang đường điện khi chưa có thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt phương án tạm sử dụng, chưa được cấp phép khai thác lâm sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý, giải quyết đối với Nguyễn Văn Đ. - Đối với Sùng A M, Cháng A, Cháng A, Sùng A S2, Hồ A D3, L Chứ và những người đến xin làm thuê chưa xác định được thông tin nhân thân, lai lịch khác trực tiếp chặt, hạ cây rừng theo sự chỉ đạo, giao công việc của bị cáo Khúc Văn V. Trước khi giao việc chặt hạ cây, bị cáo Khúc Văn V cho biết đã thỏa thuận xong với bị cáo Nguyễn Văn S cho phép chặt hạ cây rừng trên hành lang an toàn lưới điện, nhóm công nhân không biết rõ về hồ sơ thủ tục giấy tờ pháp lý, chỉ thực hiện công việc theo yêu cầu của bị cáo Khúc Văn V, không nhận thức được việc bị cáo V chỉ đạo chặt hạ toàn bộ cây rừng vi phạm pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý, giải quyết đối với nhóm công nhân trên.

[11]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[12]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên bị cáo Nguyễn Văn S là người cao tuổi (61 tuổi) theo Luật người cao tuổi, tại phiên toà bị cáo xin miến án phí hình sự sơ thẩm do đó Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn S. Các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại trước khi mở phiên toà, do đó các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền đã tự nguyện nộp theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.[13]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Tuyên bố các bị cáo Khúc Văn V và Nguyễn Văn S phạm tội Hủy hoại rừng

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 17; khoản 1, 3 Điều 35; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Khúc Văn V 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 17; khoản 1, 3 Điều 35; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 01/2025/HSST-LCĐKNCT, ngày 05/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với bị cáo Nguyễn Văn S kể từ ngày tuyên án 30/12/2025.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 02/2025/HSST-LCĐKNCT, ngày 05/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với bị cáo Khúc Văn V kể từ ngày tuyên án 30/12/2025.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo Khúc Văn V, Nguyễn Văn S phải bồi thường cho Nhà nước số tiền thiệt hại về huỷ hoại rừng là: 45.993.610 đồng (Bốn mươi lăm triệu chín trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm mười đồng); Bị cáo Nguyễn Văn S đã nộp số tiền: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo biên lai thu tiền ký hiệu: BLTT/25E, số: 0000152, ngày 07/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên, bị cáo Khúc Văn V đã nộp số tiền: 25.993.610 đồng (Hai mươi lăm triệu chín trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm mười đồng) theo biên lai thu tiền ký hiệu: BLTT/25E, số: 0000151, ngày 07/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Xác nhận các bị cáo đã nộp đủ số tiền bồi thường thiệt hại: 45.993.610 đồng (Bốn mươi lăm triệu chín trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm

mười đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên, số tiền này được nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Khúc Văn V phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn S.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/12/2025); Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Phòng GĐ,KT,TT&THA TAND Tỉnh ĐB;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 4 - Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- PC 10 (THAHS) CA tỉnh Điện Biên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Phân trại tạm giam Na Sang;
- Các bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ VA,KT,THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thân Văn Hàm